

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BAROTEX VIỆT NAM

CTY CP THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BAROTEX VIỆT NAM

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Mai Trần Hưng*

Hà Nội, 2015

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---

## ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BAROTEX VIỆT NAM

(Sửa đổi, bổ sung tháng 07 năm 2015)

Căn cứ

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản có liên quan;

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại và đầu tư Barotex Việt Nam đã nhất trí thông qua nội dung bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung và cùng cam kết thực hiện những quy định trong Điều lệ này, gồm các điều khoản sau đây:

## CHƯƠNG I NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

### ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

1. “**Vốn điều lệ**” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký và được ghi vào Điều lệ Công ty.
2. “**Vốn có quyền biểu quyết**” là số cổ phần, theo đó người nắm giữ có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. “**Cổ đông sáng lập**” là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty cổ phần.
4. “**Cổ phần phổ thông**” là một đơn vị của vốn điều lệ của Công ty, có mệnh giá là 10.000 đồng và cho phép người nắm giữ có các quyền tại Điều 19 của Điều lệ này.
5. “**Cổ tức**” là số tiền mặt hoặc tài sản khác được trích hàng năm từ lợi nhuận ròng của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.
6. “**Người quản lý Công ty**” gồm thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc Công ty, Ban Giám đốc các đơn vị trực thuộc, các Trưởng, phó Phòng/ Ban Công ty và các Chi nhánh, Xí nghiệp, Trường Văn phòng đại diện.
7. “**Người có liên quan**” là tổ chức hoặc cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau:
  - 7.1 Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp.
  - 7.2 Người quản lý doanh nghiệp.
  - 7.3 Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý Công ty hoặc cổ đông sở hữu cổ phần chi phối.
  - 7.4 Cá nhân được uỷ quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm 7.1, 7.2, 7.3 nói trên.
  - 7.5 Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để thâm tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.



## ĐIỀU 2: TÊN VÀ HÌNH THỨC CÔNG TY

### 1. Tên Công ty

Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt Nam là:

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ BAROTEX VIỆT NAM**

Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh là:

**BAROTEX VIETNAM INVESTMENT AND TRADING  
JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch của Công ty là: **BAROTEX VIETNAM.**

### 2. Hình thức

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Barotex Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước CHXHCNVN khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

## ĐIỀU 3: TRỤ SỞ, CHI NHÁNH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

1. **Trụ sở Công ty:** Số 100, phố Thái Thịnh, Quận Đống Đa, Hà nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 4) 38573428, 38572216

Fax: (84 4) 38573036

E-mail: [barotex@fpt.vn](mailto:barotex@fpt.vn) ; [barotexvietnam@hn.vnn.vn](mailto:barotexvietnam@hn.vnn.vn)

Website: [www.barotex.com.vn](http://www.barotex.com.vn)

Địa bàn hoạt động: trong và ngoài nước.

### 2. Các chi nhánh

2.1 Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thương mại và Đầu tư Barotex Việt Nam (thành phố Hà Nội) (Tên cũ: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu mây tre Việt Nam)

Địa chỉ: số 06 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên giao dịch: Barotex Ho Chi Minh City.

2.2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Barotex Việt Nam tại TP. Đà Nẵng:

Địa chỉ: số 794 - Ngô Quyền, phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Tên giao dịch: Barotex DaNang.

2.3 Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Barotex Việt Nam - Xí nghiệp Giấy Barotex.



Địa chỉ: Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Tên giao dịch: Baroshoe.

**3. Các Công ty thành viên:**

3.1. Công ty TNHH Một thành viên Barotex Hà Nội

Trụ sở: 100 Thái Thịnh, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 043.8573428

3.2. Công ty TNHH Một thành viên Barotex Sài Gòn.

Trụ sở: Số 06 Võ Văn Kiệt, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 083.8298637

4. Công ty được thành lập các đơn vị trực thuộc như Chi nhánh, Văn phòng đại diện, cửa hàng ... trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

**ĐIỀU 4: TƯ CÁCH PHÁP LÝ**

1. Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Barotex Việt Nam có tư cách pháp nhân đầy đủ kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Công ty có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
3. Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật định.
4. Hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình
5. Có bảng cân đối kế toán riêng, có tài sản riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**ĐIỀU 5: MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH**

**1. Mục tiêu**

- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường sức cạnh tranh; tiếp thu phương thức quản lý tiên tiến năng động cho doanh nghiệp; bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển vốn, tài sản của Công ty.
- Tạo điều kiện huy động vốn của các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội..., cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư, đổi mới, phát triển Công ty.

2. Ngành, nghề sản xuất kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh nguyên liệu (bột giấy) và phế liệu giấy dùng để sản xuất giấy vàng mã, giấy văn phòng phẩm, giấy vệ sinh dùng 1 lần, tã giấy trẻ em, băng vệ sinh;</li> <li>- Kinh doanh nông, lâm sản, sản phẩm gỗ, khoáng sản, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng, vật liệu điện, hàng công nghiệp, giấy dếp, hàng da, giả da, hàng tiêu dùng và thực phẩm;</li> <li>- Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;</li> <li>- Bán lẻ máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);</li> <li>- Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;</li> <li>- Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;</li> <li>- Bán lẻ phân bón;</li> </ul>	4773
2	<p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh sắt thép và sắt thép phế liệu, nguyên liệu nhựa và sản phẩm nhựa, hàng điện, điện tử, điện lạnh, vải, hàng may mặc, đồ uống có cồn, đồ uống không cồn</p>	4649
3	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản</p>	6810
4	<p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Chi tiết: kinh doanh khách sạn</p>	5510
5	<p>Nuôi trồng thủy sản nội địa</p> <p>Chi tiết: Nuôi trồng, chế biến, buôn bán nông, lâm, thủy, hải sản</p>	0322
6	<p>Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm)</p>	0899



7	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo, dạy nghề giấy da, may mặc (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
8	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất và buôn bán nguyên phụ liệu và các sản phẩm dệt, may	1329
9	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa (không hoạt động môi giới, đấu giá);	4610
10	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách, vận tải giao nhận hàng hóa bằng ô tô	4931
11	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh kho, bãi, nhà xưởng sản xuất và máy móc thiết bị phục vụ nhà xưởng	5210
12	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)	5610
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) Bán buôn phân bón	4669
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty sản xuất và kinh doanh; - Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu hàng mây tre, gốm sứ, cối, đay, lá sợi thảo mộc, hàng thủ công mỹ nghệ (sơn mài, thêu ren)	8299
15	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Lữ hành nội địa và dịch vụ thương mại	7912
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659



	Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày.</li> </ul>	
17	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
18	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
19	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
20	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

Công ty được mở rộng, thu hẹp, hoặc thay đổi phạm vi hoạt động theo quyết định của Hội đồng quản trị và được thay đổi, bổ sung ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà luật không cấm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

#### **ĐIỀU 6: THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG**

1. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Thời gian hoạt động có thể được gia hạn hoặc rút ngắn với điều kiện Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua theo quy định của Điều lệ Công ty và được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 7: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào Công ty.
3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).
4. ĐHĐCĐ bầu Hội đồng quản trị (HĐQT) để lãnh đạo hoạt động Công ty giữa 2 nhiệm kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
5. Quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Tổng Giám đốc.

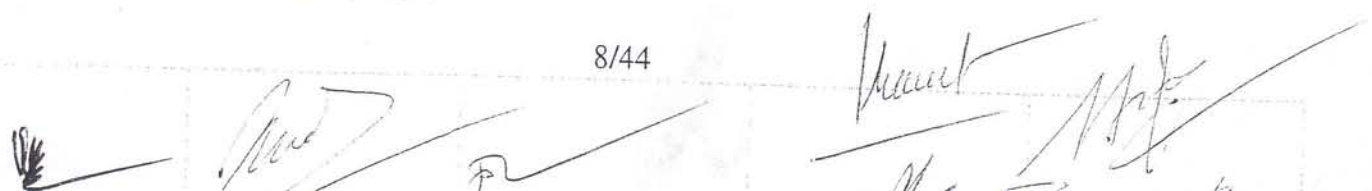
## **ĐIỀU 8: TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC**

1. Tổ chức Đảng trong Công ty hoạt động theo Điều lệ, Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Điều lệ từng tổ chức và theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
3. Công ty tôn trọng và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình và phù hợp với tình hình sản xuất – kinh doanh của Công ty.

## **CHƯƠNG II QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

### **ĐIỀU 9: QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY**

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài sản được giao sử dụng hoặc thuê, các nguồn lực khác để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
2. Mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường; được phép mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh theo các ngành nghề khác nhau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.
3. Phát hành, chuyển nhượng, mua bán các cổ phiếu, trái phiếu, được thế chấp tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng để vay vốn theo quy định của pháp luật; được quyền lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn trong và ngoài nước theo nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh nhưng phải tuân thủ các quy định của pháp luật.
4. Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty; phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
5. Được quyền tuyển dụng, thuê mướn, sử dụng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động cán bộ công nhân viên theo thẩm quyền và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định khác của pháp luật.
6. Sử dụng ngoại tệ theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quản lý ngoại hối.





7. Quyết định sử dụng và phân phối phân lợi nhuận ròng cho các cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước và các nghĩa vụ tài chính khác; sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và quyết định của ĐHĐCĐ.
8. Ký kết hợp đồng kinh tế, đầu tư, hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
9. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
10. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **ĐIỀU 10: NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận ĐKKD và những ngành, nghề mà luật không cấm;
2. Tổ chức sản xuất, kinh doanh có hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn;
3. Tuân thủ chế độ hạch toán kế toán, báo cáo thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định và báo cáo bất thường theo yêu cầu của ĐHĐCĐ; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính; công bố công khai các thông tin và báo cáo quyết toán hàng năm, đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty;
4. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật;
5. Chấp hành các quy định về tuyển dụng, hợp đồng lao động theo quy định của Luật Lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy định của Công ty; ưu tiên sử dụng lao động trong nước; bảo đảm quyền lợi, lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động; tôn trọng quyền của tổ chức công đoàn theo Luật Công đoàn;
6. Tuân thủ quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh và trật tự, an toàn xã hội;
7. Chấp hành chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty theo quy định của pháp luật;
8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG III VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY**

### **MỤC 1: VỐN ĐIỀU LỆ**

9/44



## ĐIỀU 11: VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam. Những trường hợp góp vốn bằng hình thức khác sẽ được HĐQT đánh giá và quy ra đồng Việt Nam.
2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 01/01/2014 là 100 tỷ đồng Việt Nam (Một trăm tỷ đồng), được chia thành 10.000.000 cổ phần phổ thông.
3. Cơ cấu vốn tại thời điểm 01/01/2014 như sau:
  - Cổ phần phổ thông do Nhà nước nắm giữ: 1.924.700 cổ phần (19,247%)
  - Cổ phần do các cổ đông còn lại nắm giữ: 8.075.300 cổ phần (80,753%)
4. Thủ tục xác nhận vốn điều lệ thực hiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh.
5. Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động:
  - Mua sắm tài sản cố định và các trang thiết bị cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.
  - Cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - Góp vốn liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế.
  - Mua cổ phần, trái phiếu của các đơn vị kinh tế khác.
  - Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.
6. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào.
7. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh theo từng thời kỳ để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và bảo đảm quyền lợi của cổ đông. Việc tăng giảm vốn điều lệ do ĐHĐCĐ quyết định.
8. Khi có sự thay đổi về vốn điều lệ thì điều khoản này sẽ thay đổi tương ứng.

## MỤC 2: CỔ PHẦN- CỔ PHIẾU

### ĐIỀU 12: CỔ PHẦN

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Cổ phần là một đơn vị góp vốn tối thiểu mà mỗi cổ đông tham gia đầu tư vào Công ty.
2. Tất cả các cổ phần được phát hành lần đầu tiên đều là cổ phần phổ thông.
3. Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành, theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



4. Cổ phần phổ thông không thể chuyển thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.
6. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi một ngày), để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết sẽ chịu sự kiểm soát của HĐQT và HĐQT có thể phân phối hoặc tặng các quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp nhưng không được thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông.
7. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật có liên quan.

### **ĐIỀU 13: CỔ PHIẾU**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành, có chữ ký của Chủ tịch HĐQT, phải đóng dấu Công ty hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và phải đảm bảo các nội dung theo quy định của pháp luật về cổ phiếu.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Nếu cổ phiếu bị mất, bị rách, bị hư hỏng, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó nếu trình đủ chứng cứ theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của HĐQT. Mọi chi phí để cấp lại cổ phiếu này do cổ đông chịu.
4. Các quy định khác theo Điều 120 của Luật Doanh nghiệp 2014.

### **ĐIỀU 14: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG**

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông phải bằng văn bản và tập dữ liệu điện tử, có đủ các nội dung chủ yếu sau đây :

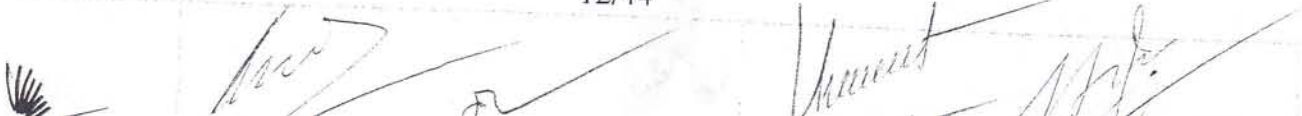
1.1 Tên, địa chỉ trụ sở của Công ty;



- 1.2 Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - 1.3 Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - 1.4 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.
  - 1.5 Có mã số riêng cho từng cổ đông.
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

### **ĐIỀU 15: CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

1. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán trừ những trường hợp sau:
  - Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
  - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
  - Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp hợp đó do Điều lệ Công ty quy định.
2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định tại các Điều 122, Điều 123, Điều 124 và Điều 125 của Luật Doanh nghiệp 2014.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đầy đủ và ghi đúng, đầy đủ những thông tin về người mua theo quy định của pháp luật vào sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
4. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp được quy định tại Khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp năm 2014. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên





của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ cổ đông. Chi phí chuyển nhượng cổ phần do HĐQT quy định

5. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng được tiến hành theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

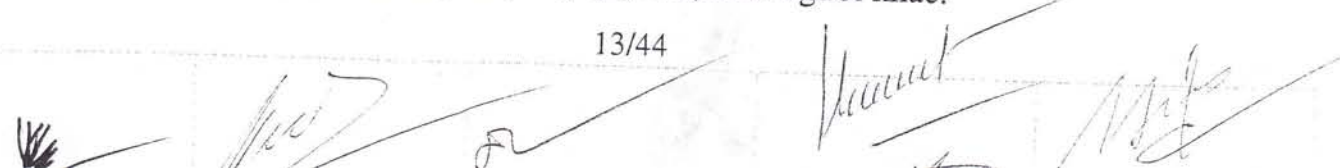
#### **ĐIỀU 16: THỪA KẾ CỔ PHẦN**

1. Trong trường hợp cổ đông chết, số cổ phần của cổ đông đó được thừa kế theo quy định của pháp luật. Nếu có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một đại diện sở hữu duy nhất dưới hình thức ủy quyền có xác nhận công chứng. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế cổ phần của cổ đông.
2. Người thừa kế được đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật.
3. Người thừa kế cổ phần của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát chỉ được thừa kế quyền sở hữu cổ phần, không được thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát.

### **MỤC 3: CỔ ĐÔNG**

#### **ĐIỀU 17: QUI ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG**

1. Cổ đông của Công ty là những pháp nhân hay cá nhân có đủ năng lực hành vi dân sự và sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
2. Cổ đông được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.
3. Cổ đông sáng lập của Công ty là thành viên HĐQT và tham dự xây dựng, thông qua và ký tên vào Điều lệ lần đầu của Công ty
4. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty:
  - 4.1 Cổ đông là pháp nhân: Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức là người đại diện hợp pháp của pháp nhân hoặc tổ chức đó.
  - 4.2 Người đại diện nêu tại điểm 4.1 trên đây có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực hành vi dân sự làm đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền lại cho người khác.
  - 4.3 Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại Công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.



- 4.4 Việc ủy quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản, cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi HĐQT Công ty.
- 4.5 Các cổ đông có thể nhóm lại cử một người đại diện để tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.
- 4.6 Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được chuyển đổi, sáp nhập từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho HĐQT các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập hoặc thừa kế để HĐQT giải quyết về cổ đông, cổ phiếu và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác theo quyết định của hội đồng giải thể của pháp nhân đó.

## ĐIỀU 18: QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

### 1. Cổ đông có các quyền cơ bản sau đây :

- 1.1. Được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp theo mức quyết định của ĐHCĐ dựa trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cuối mỗi năm tài chính.
- 1.2. Được ưu tiên mua cổ phần khi Công ty phát hành cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.
- 1.3. Được tự do mua bán và chuyển nhượng cổ phần của mình theo Điều lệ Công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 1.4. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
- 1.5. Được cung cấp thông tin định kỳ hay đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty.
- 1.6. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần đã góp vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và các khoản nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
- 1.7. Được quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 - Luật Doanh nghiệp 2014.
- 1.8. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự ĐHCĐ và chỉ được ủy quyền một lần cho mỗi kỳ đại hội.





1.9. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty.

1.10. Cổ đông phổ thông có quyền tham dự, phát biểu tại các ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền.

1.11 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% cổ phần phổ thông /vốn ĐL trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng ngoài các quyền từ mục 1.1/ đến 1.9/ đã nêu ở trên có thêm các quyền sau:

- Được ứng cử, đề cử 01 (một) thành viên vào Hội đồng quản trị và 01 (một) thành viên vào Ban Kiểm soát;
- Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến việc quản lí, điều hành hoạt động của Công ty nếu xét thấy cần thiết.

1.12 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông:

- Nắm giữ từ 20% đến dưới 30% cổ phần phổ thông/vốn ĐL được ứng cử, đề cử 02 (hai) thành viên vào Hội đồng quản trị và 02 (hai) thành viên vào Ban kiểm soát.
- Nắm giữ từ 30% cổ phần phổ thông trở lên/ vốn ĐL được ứng cử, đề cử 03 (ba) thành viên vào Hội đồng quản trị và 03 (ba) thành viên vào Ban Kiểm soát.

1.13 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 1.12 nói trên có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

## 2. Nghĩa vụ của cổ đông

2.1 Nộp tiền đặt cọc và thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do Công ty quy định. Nếu cổ đông đã nộp tiền đặt cọc mà không mua hoặc không mua hết số cổ phần đã cam kết mua thì phải chịu mất số tiền đã đặt cọc trừ trường hợp có lý do bất khả kháng.



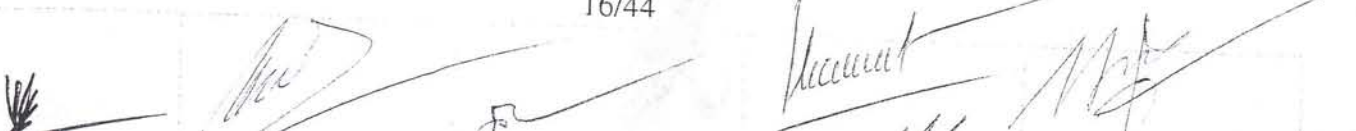


- 2.2 Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- 2.3 Thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- 2.4 Chịu trách nhiệm về các khoản lỗ, nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình;
- 2.5 Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp của mình;
- 2.6. Những cổ đông hoặc gia đình cổ đông xuất khẩu các mặt hàng mây tre, thủ công mỹ nghệ không được tham gia vào HĐQT, Ban kiểm soát và bộ máy quản lý của Công ty.
- 2.7 Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản, giữ bí mật nghề nghiệp và hoạt động của Công ty.
- 2.8 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
- 2.9 Phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - Vi phạm pháp luật;
  - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
- 2.10 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty.

#### MỤC 4: CỔ TỨC

##### ĐIỀU 19: CHI TRẢ CỔ TỨC

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo



quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức được chi trả bằng tiền đồng Việt Nam, bằng cổ phần hoặc bằng tài sản khác. Việc thanh toán cổ tức được thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công ty và tại các đơn vị trực thuộc hoặc chuyển vào tài khoản của cổ đông. Các chi phí phát sinh khi thông báo hoặc phí chuyển khoản do cổ đông chịu.

Khi Công ty tham gia vào thị trường chứng khoán, việc thanh toán cổ tức cho cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định có liên quan.

2. Chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức, HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014.
3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

## MỤC 5: MUA LẠI CỔ PHẦN

### ĐIỀU 20: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến HĐQT trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ĐHCĐ thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 20 với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có quyền bán cổ phần cho người khác.

### ĐIỀU 21: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY



Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ số cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này.
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông trong Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ. Trong trường hợp này, Công ty phải thông báo quyết định mua lại cổ phần bằng phương thức bảo đảm đến các tất cả các cổ đông trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ, trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần, loại cổ phần được mua lại, giá mua lại, nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến Công ty trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo. Chào bán phải bảo đảm các nội dung theo luật định. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

## **ĐIỀU 22: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI**

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán hết các cổ phần mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 20, Điều 21 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
2. Tất cả các cổ phần được mua lại này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
4. Sau khi thanh toán hết các cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.



## **ĐIỀU 23: THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 22 hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 19 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

## **CHƯƠNG IV**

### **TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY**

#### **ĐIỀU 24: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY**

1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
2. Hội đồng quản trị (HĐQT)
3. Ban kiểm soát (BKS)
4. Tổng Giám đốc (TGD)

#### **MỤC 1: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **ĐIỀU 25: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ)**

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một (01) lần. Hình thức họp có thể tổ chức ở Hội trường, họp trực tuyến.... Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
  - 2.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - 2.2 Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
  - 2.3 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1.13 khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này.





2.4 Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

2.5 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại mục 2.2 hoặc nhận được yêu cầu nêu tại mục 2.3, 2.4 nêu trên.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp các cổ đông;

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trường ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 1.13 khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải tuân theo các quy định của pháp luật. Chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

## **ĐIỀU 26: QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
2. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
3. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức được thanh toán hàng năm.
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

6. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
8. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông.
9. Quyết định mức lương, thù lao, phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
10. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
11. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ này.

#### **ĐIỀU 27: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại hội đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp tổ chức lần một nhưng số đại biểu đến dự không nắm giữ đủ từ 51% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ tổ chức lần hai được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại hội đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp tổ chức lần hai nhưng số đại biểu đến dự không nắm giữ đủ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

#### **ĐIỀU 28: THẺ THỨC TRIỆU TẬP VÀ TIẾN HÀNH CÁC ĐHĐCĐ**

1. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ phải được gửi bằng phương thức bảo đảm cho các cổ đông trước mười lăm (15) ngày đối với ĐHĐCĐ thường niên, mười (10) ngày đối với ĐHĐCĐ bất thường. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ phải kèm theo uỷ quyền dự họp, bản dự thảo chương trình nghị sự và các tài liệu thảo luận liên quan đến nội dung cuộc họp và địa điểm họp đại hội.
2. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; cung cấp thông tin và giải quyết các khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;





lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ.

3. Ban tổ chức có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần ủy quyền).
4. Đại hội thường niên do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Nếu Chủ tịch HĐQT vắng mặt có thể ủy nhiệm cho Phó chủ tịch HĐQT hoặc một ủy viên HĐQT làm chủ tọa.
5. Đại hội bất thường do ai triệu tập thì người đó làm Chủ tọa.
6. Chủ tọa thông qua đại hội bầu ra thư ký đại hội và ban kiểm phiếu.
7. Biên bản ĐHĐCĐ phải có đủ chữ ký của chủ tọa, ban thư ký và ban kiểm phiếu sau phiên họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT hoặc 02 ủy viên HĐQT.
8. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến chậm khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

#### **ĐIỀU 29: QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4, Điều 15 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - 2.1 Trường hợp cổ đông là cá nhân người ủy quyền thì phải có chữ ký của cá nhân đó và người được ủy quyền dự họp;
  - 2.2 Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau:
  - Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.
4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

### **ĐIỀU 30: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết, chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Bản kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối đề nghị nêu tại khoản 2 Điều này nếu xảy ra một trong các trường hợp sau :
  - Kiến nghị gửi không đúng thời hạn hoặc không có đủ thông tin, không đúng nội dung.
  - Vấn đề được kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
  - Những trường hợp khác quy định trong Điều lệ này.

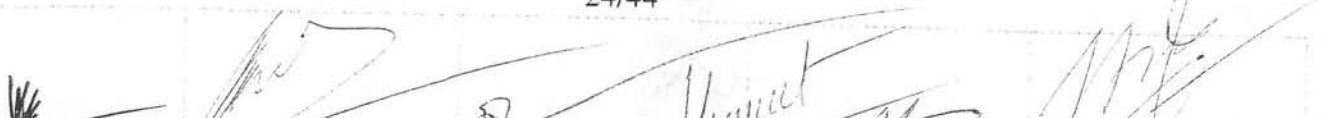
### **ĐIỀU 31: THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi:



- 2.1 Quyết định về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
  - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
  - Tổ chức lại, giải thể công ty;
  - Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
- 2.2 Các quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quyết định tại khoản 1 và khoản 3 của Điều này.
- 2.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức thực hiện họp không được thực hiện đúng như quy định.
  - Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tuân theo quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2014.
  - Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.

**ĐIỀU 32: THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**



Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 26 của Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
  - Mục đích lấy ý kiến;
  - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
  - Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, trong trường hợp cổ đông không gửi phiếu biểu quyết về Công ty thì được coi là tán thành với tất cả các nội dung xin ý kiến biểu quyết mà Công ty đưa ra;
  - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
  - Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
  - Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:



- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký dinh doanh;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các quyết định đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **ĐIỀU 33: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

Tên, địa chỉ trụ sở Công ty.

Thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ.

Chương trình và nội dung làm việc.

Chủ toạ và thư ký.

Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề.

Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.



*[Handwritten signatures and initials]*

Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Các quyết định đã được thông qua.

Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông tham dự đại hội trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản dự họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở của Công ty.

#### **ĐIỀU 34: YÊU CẦU HUỖ BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét và huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ không thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **MỤC 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **ĐIỀU 35: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty.

Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.



Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.

Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ này.

Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ này.

Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 53 của Điều lệ này. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Bổ nhiệm, bãi miễn, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc Công ty; quyết định mức lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.

Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty; đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết và các quy định của HĐQT và ĐHĐCĐ.

Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua quyết định.

Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.

Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

### **ĐIỀU 36: NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HĐQT**

1. Hội đồng quản trị có từ 05 đến 07 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn của nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
4. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

### **ĐIỀU 37: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HĐQT**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp năm 2014; Các tiêu chuẩn khác tuân thủ điều 151 của Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh,
- Có sức khỏe, tư cách phẩm chất đạo đức tốt.

### **ĐIỀU 38: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Hội đồng quản trị bầu ra chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm hoặc không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;



Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Chủ tịch HĐQT có thể uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch hoặc một thành viên HĐQT khác thay mặt thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

### **ĐIỀU 39: CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở của Công ty hoặc ở nơi khác.
3. HĐQT họp thường kỳ 03 tháng/ lần do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào xét thấy cần thiết. Trong trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá 06 tháng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau:
  - 4.1 Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - 4.2 Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - 4.3 Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Nếu

chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày trước ngày họp trong đó xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình và các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo phải gửi bảo đảm đến địa chỉ đã đăng ký tại Công ty của từng thành viên HĐQT.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
8. Thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.
9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp đặc biệt, việc biểu quyết có thể được thực hiện qua thư điện tử hoặc fax... nhưng phải được sự nhất trí của các thành viên có mặt tại cuộc họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu đa số thành viên dự họp (trực tiếp và gián tiếp) chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **ĐIỀU 40: BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây :

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty.
2. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
3. Thời gian và địa điểm họp.
4. Họ, tên thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.





5. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết.
6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến phiên họp.
7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ thành viên tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
8. Các quyết định đã được HĐQT thông qua.
9. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

#### **ĐIỀU 41: MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT**

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau :
  - 1.1 Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 37 của Điều lệ này.
  - 1.2 Có đơn xin từ chức
  - 1.3 Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 04 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp số thành viên HĐQT còn lại không đủ 2/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.  
Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

#### **ĐIỀU 42: THÙ LAO, PHỤ CẤP VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT**

1. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, phụ cấp theo kết quả và hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty. Mức thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị do ĐHCĐ quyết định.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Thù lao, phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông.

### MỤC 3: BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### ĐIỀU 43: BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Bộ máy tổ chức của Công ty: Văn phòng Công ty và các chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc, văn phòng đại diện.

Văn phòng Công ty và các chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc, văn phòng đại diện có các phòng ban, bộ phận giúp việc cho Tổng Giám đốc và Giám đốc. Chức năng, nhiệm-vụ, quyền hạn của các chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc, văn phòng đại diện thực hiện theo Quy chế phân cấp quản lý của Tổng Giám đốc Công ty.

2. Bộ máy điều hành Công ty gồm có:

- 2.1 HĐQT bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc để điều hành Công ty. Tổng Giám đốc giới thiệu các Phó Tổng Giám đốc Công ty, kế toán trưởng, các Giám đốc, Phó giám đốc các đơn vị trực thuộc trình HĐQT phê duyệt để Tổng Giám đốc ký quyết định bổ nhiệm.

- 2.2 Giúp cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm. Phó Tổng Giám đốc có thể kiêm nhiệm Giám đốc các bộ phận hoặc đơn vị trực thuộc.

- 2.3 Mỗi chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc Công ty do 01 Giám đốc điều hành, khi cần có Phó giám đốc giúp việc. Các phòng ban của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc sẽ do 01 trưởng phòng điều hành, khi cần có phó trưởng phòng giúp việc

Lương, phụ cấp của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Giám đốc do HĐQT qui định theo quy chế lao động, tiền lương, phụ cấp, thưởng phạt trong Công ty. Trong trường hợp Tổng Giám đốc được thuê, người thay mặt Công ty ký hợp đồng lao động này là Chủ tịch HĐQT.

#### ĐIỀU 44: TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ



được giao. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Tổng Giám đốc không được đồng thời làm Giám đốc hay Tổng Giám đốc doanh nghiệp khác.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc

Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc hàng ngày của Công ty theo đúng qui định của pháp luật.

Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên Tổng giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của HĐQT nếu như quyết định này trái với pháp luật, Điều lệ Công ty và các quyết định của ĐHCĐ. Việc từ chối này phải được lập thành văn bản và gửi HĐQT.

Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền

Quyết định lương, phụ cấp (nếu có), thưởng, phạt và các chế độ phúc lợi đối với người lao động trong Công ty và các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền.

Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển, chương trình hành động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty, các phương án huy động vốn cho Công ty để trình HĐQT.

Xây dựng và đệ trình HĐQT quy chế định giá bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản của Công ty, các chính sách đầu tư của Công ty nhằm hạn chế rủi ro và phù hợp theo điều kiện kinh tế từng thời kỳ.

Đệ trình HĐQT kế hoạch đầu tư gián tiếp (mua cổ phiếu, trái phiếu), hoặc đầu tư trực tiếp vào các dự án hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước bằng nguồn vốn do Công ty quản lý.

Xây dựng và đệ trình HĐQT ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá nguyên liệu vật tư và giá dịch vụ trong nội bộ Công ty.

Ban hành các quyết định, ký kết các hợp đồng kinh tế theo phân cấp quản lý, tổ chức, điều hành và kiểm tra các hoạt động của Công ty theo phương hướng và kế hoạch của HĐQT. Đề xuất với HĐQT cách giải quyết các vấn đề phát sinh.

Chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận còn lại của Công ty

đề đệ trình HĐQT. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh

Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức và cán bộ, quy chế quản lý nội bộ Công ty và thực hiện theo quyết định của HĐQT.

Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên và đột xuất cho HĐQT và Ban kiểm soát. Xây dựng các báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính sáu tháng và năm để trình HĐQT phê duyệt.

Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo chương trình nghị sự ĐHCĐ do HĐQT hoặc Ban kiểm soát yêu cầu.

Đề nghị HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Tổng Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.

Được ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hoả hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐQT và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

#### **ĐIỀU 45: TỪ NHIỆM, BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC**

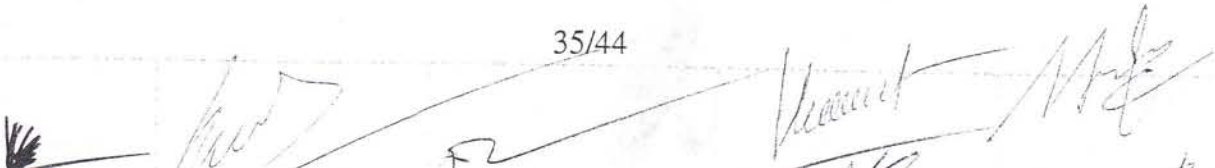
1. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.
2. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm khi không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.
3. Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện để đảm nhận công việc TGD. Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày, HĐQT phải tìm người thay thế và tiến hành thủ tục để bổ nhiệm hoặc thuê TGD mới.

#### **ĐIỀU 46: ỦY QUYỀN**

Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền của mình.

Người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy quyền lại cho người khác.

Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và có đóng dấu Công ty.





## MỤC 4: BAN KIỂM SOÁT

### ĐIỀU 47: BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát có từ 02 đến 03 thành viên trong đó có ít nhất một thành viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán.

Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát.

Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 30 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.

Trong nhiệm kỳ nếu có khiếm khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

### ĐIỀU 48: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - 1.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
  - 1.2. Có năng lực làm việc, có phẩm chất đạo đức, khách quan, công minh và hiểu biết pháp luật.
  - 1.3. Không phải là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý trong Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

### ĐIỀU 49: NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong khi thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, xem xét sổ kế toán và các tài liệu, sổ sách quan trọng khác như: sổ danh sách cổ đông, biên bản họp ĐHCĐ, họp HĐQT và kiến nghị xử lý khắc phục các sai phạm (nếu có).

3. Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
4. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong các trường hợp.
  - Khi các thành viên Ban kiểm soát xét thấy cần thiết.
  - Khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1.13 khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này.

Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Thời gian kiểm tra không vượt quá 15 ngày làm việc. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra quy định tại các khoản mục nêu trên không được gây cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không được gây gián đoạn trong điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.

5. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc ĐHĐCĐ biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
6. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
7. Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông :
  - 7.1 Về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác.
  - 7.2 Về tính trung thực, hợp pháp, tính tuân thủ điều lệ, việc ban hành các quy chế về các quyết định quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.
8. Được quyền yêu cầu các phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc của Công ty cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
9. Tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì Ban kiểm soát có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất.



10. Báo cáo trước ĐHĐCĐ về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo ý kiến độc lập của mình, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật và Điều lệ Công ty về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thiệt hại (nếu có).
11. Có các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

#### **ĐIỀU 50: THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao, phụ cấp theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại khi đi công tác.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 51: TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

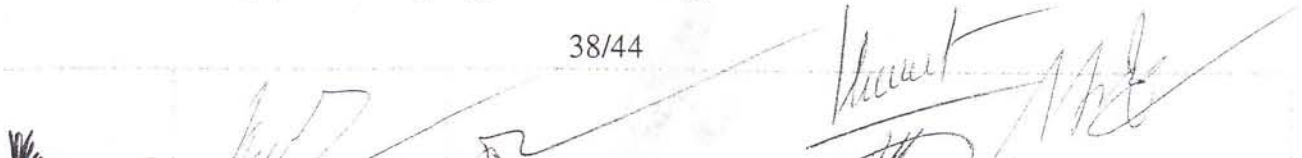
Ban kiểm soát bầu ra Trưởng ban kiểm soát.

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.
2. Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu các cuộc họp do Ban kiểm soát triệu tập.
3. Xây dựng các báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Chịu trách nhiệm về hoạt động của ban kiểm soát.
5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp 2005.

#### **ĐIỀU 52: BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BỔ SUNG THÀNH VIÊN CỦA BAN KIỂM SOÁT**

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - 1.1 Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này;
  - 1.2 Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 04 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;



1.3 Có đơn xin từ chức.

Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban kiểm soát, thì các thành viên còn lại sẽ thảo luận đề cử một trong số các thành viên đó tạm thời thay thế.

Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

## MỤC 5: QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

### ĐIỀU 53: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty có các nghĩa vụ sau đây:
  - 1.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - 1.2 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, khẩn cấp, gắn bó, quan tâm đối với mọi hoạt động của Công ty vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.
  - 1.3 Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng chức vụ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức cá nhân khác.
  - 1.4 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối, thông báo này được lưu tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
  - 1.5 Không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận hay khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
  - 1.6 Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.
  - 1.7 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định.



2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

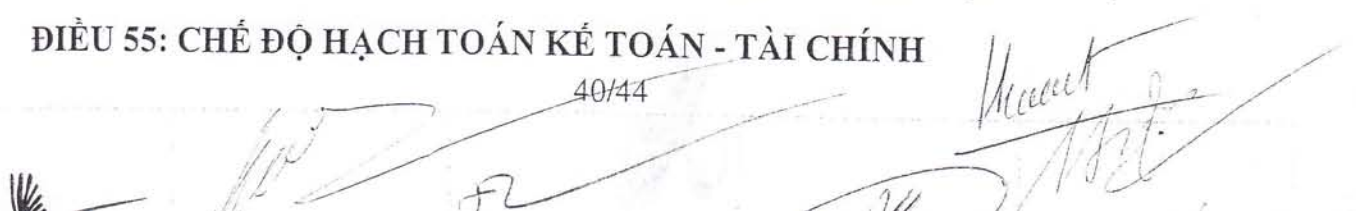
#### **ĐIỀU 54: CÁC HỢP ĐỒNG ĐẶC BIỆT**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
  - 1.1 Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ
  - 1.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
  - 1.3 Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 159 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo hợp đồng hoặc nội dung thông báo, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quyết định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

#### **CHƯƠNG V**

#### **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **ĐIỀU 55: CHẾ ĐỘ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**



1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của Công ty.
2. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Công ty phải chấp hành công tác kế toán theo hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và gửi đến HĐQT, Ban kiểm soát để xem xét, chuẩn bị họp ĐHĐCĐ.

Cuối mỗi năm tài chính HĐQT và Ban kiểm soát có trách nhiệm xem xét, thông qua quyết toán để trình ĐHĐCĐ bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán của Công ty.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

#### **ĐIỀU 56: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ**

1. Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành đối với các Công ty, lợi nhuận của Công ty gồm:

Lợi nhuận trước thuế = Tổng doanh thu – Tổng chi phí.

Lợi nhuận sau thuế (LN ròng) = Lợi nhuận trước thuế – Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Lợi nhuận ròng vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, phải trích lập các quỹ như sau:
  - 2.1 Trích quỹ dự phòng tài chính: Từ 1% đến 2% lợi nhuận ròng để lập quỹ dự phòng cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ.
  - 2.2 Trích quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: từ 2,5% đến 5%.
  - 2.3 Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: từ 5% đến 10%
  - 2.4 Ngoài các quỹ trên, căn cứ vào kết quả kinh doanh hàng năm sẽ trích một phần lợi nhuận bổ sung vào vốn.
3. Tỷ lệ trích lập các quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên.



4. Lợi nhuận ròng sau khi trừ các mục 2.1, 2.2, 2.3 khoản 2 của Điều này gọi là cổ tức được phân chia cho các cổ đông theo số cổ phần sở hữu.
5. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận ròng bao gồm:
  - 5.1. Quỹ khấu hao tài sản cố định do HĐQT quyết định.
  - 5.2. Các quỹ khác do ĐHĐCĐ quyết định
  - 5.3. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình ĐHĐCĐ quyết định cho từng năm.

## **CHƯƠNG VI**

### **TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ**

#### **ĐIỀU 57: TỔ CHỨC LẠI**

1. Khi cần thiết, Công ty có thể được tổ chức lại bằng các phương thức theo luật định.
2. HĐQT có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại Công ty để trình ĐHĐCĐ quyết định.

#### **ĐIỀU 58: GIẢI THỂ**

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau :
  - Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn
  - Theo yêu cầu của các cổ đông nắm giữ ít nhất 75% số vốn điều lệ.
  - Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục.
  - Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.Trước khi giải thể phải tổ chức ĐHĐCĐ để có biểu quyết chính thức.
2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

#### **ĐIỀU 59: THANH LÝ**

Khi Công ty có quyết định giải thể, Đại hội đồng cổ đông lập Hội đồng thanh lý để thay thế Hội đồng quản trị và cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.

1. Trong thời gian thanh lý, Hội đồng thanh lý và Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý các vấn đề xét thấy cần thiết phải có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## **ĐIỀU 60: TỔ TỤNG, TRANH CHẤP**

1. Tổng Giám đốc là người đại diện Công ty trước pháp luật và có thể ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc trong các giai đoạn tranh tụng.
2. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng, tranh chấp.
3. Mọi tranh chấp liên quan đến cổ phần của cổ đông do HĐQT giải quyết, nếu các bên tranh chấp không đồng ý với quyết định của HĐQT thì vụ tranh chấp đó sẽ được đưa ra xét xử tại toà án địa phương.

## **CHƯƠNG VII**

### **ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

#### **ĐIỀU 61: CON DẤU**

1. Tất cả các văn bản của Công ty khi phát hành chính thức phải đóng dấu Công ty trên các chữ ký của một trong các chức danh sau: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty hoặc các viên chức quản lý Công ty được Tổng Giám đốc ủy quyền. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty không được sử dụng con dấu.
2. HĐQT giao Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **ĐIỀU 62: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI BỔ SUNG**

1. Điều lệ sửa đổi bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.
2. Điều lệ này chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty và mọi thành viên của Công ty có nghĩa vụ thi hành.
3. Nếu trong Điều lệ có những điều khoản vô hiệu thì các điều khoản còn lại vẫn có hiệu lực thi hành.
4. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong bản Điều lệ sửa đổi này sẽ do Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản pháp luật liên quan khác chi phối.

#### **ĐIỀU 63: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

1. Điều lệ này gồm 07 chương, 63 điều và 44 trang, đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua và biểu quyết chấp thuận toàn bộ, được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:



- 01 bản nộp tại Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch-Đầu tư Thành phố Hà Nội
  - 09 bản lưu hồ sơ tại trụ sở Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty.
2. Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và đóng dấu Công ty mới có giá trị.

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2015

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Trung Thiện**

**Các Thành viên Hội đồng quản trị ký tên:**

**Lê Văn Hùng**

**Thái Thị Đoàn Trang**

**Phạm Kỳ Hưng**

**Đào Toàn**

**Vũ Ngọc Sinh**

**Lê Hồng Xuân**